TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2025/DS-ST
Ngày 07 tháng 5 năm 2025
Tranh chấp: Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Anh Minh

Ông Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần N V, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Số 100 H, khóm 0, phường 0, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Huỳnh Minh Nhựt – Văn phòng Luật sư Huỳnh Anh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Ông Thạch H, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 214/15 Q, khóm 0, phường 0, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị N H, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 214/15 Q, khóm 0, phường 0, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Trần N V trình bày: Nguyên trước đây bà và ông Thạch H có quen biết với nhau nên vào năm 2022 ông Thạch H có ngỏ lời hỏi mượn tiền của bà, lãi suất thỏa thuận 1,66%/tháng. Bởi mối quan hệ quen biết và tin tưởng nên bà đã đồng ý cho ông Thạch H mượn nhiều lần tiền, đến tháng 01/2024 dương lịch thì chốt nợ 450.000.000 đồng (có biên nhận và sự chứng kiến của Trưởng khóm 3, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau).

Ông Thạch H mượn tiền và hứa đến cuối năm 2024 (12/2024 dương lịch) sẽ thanh toán, nhưng sau khi mượn số tiền trên của bà thì không trả theo thỏa thuận mà hứa hẹn nhiều lần. Mặc dù bà đã yêu cầu Thạch H nhiều lần phải trả đủ số tiền nhưng không thiện trí thanh toán. Tính đến nay ông H đã thanh toán lãi được đến tháng 09/2023 dương lịch. Nay bà khởi kiện yêu cầu: Buộc ông Thạch H có trách nhiệm trả lại cho bà số tiền gốc đã mượn là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Lãi suất tạm tính từ tháng 10/2023 đến tháng 01/2024 = 15 tháng x 1,66%/tháng x 450.000.000 đồng = 112.050.000 đồng (Một trăm mười hai triệu không trăm năm chục nghìn). Tổng số tiền thanh toán: 112.050.000 đồng + 450.000.000 đồng = 562.050.000 đồng.

Tại phiên toà, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu bà Lê Thị N H cùng có trách nhiệm với ông Thạch H trả cho nguyên đơn số tiền nợ vốn 450.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập hợp lệ để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Quá trình giải quyết vụ án, bà Vui có cung cấp cho Toà án một giấy nhận nợ không ghi ngày tháng năm có nội dung *"Tôi: Thạch H cam kết có mượn bà Út V 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu) làm gói thầu 2023-2024 nhưng vì chưa thu hồi công nợ được tôi hứa đến hết 2024 tôi thu hồi công nợ để trả lại cho út Vui 450.000.000. Cam kết này lập có sự chứng kiến của ban nhân dân khóm. Ký ghi họ tên bên mượn Thạch H, bên cho mượn Trần N V, chứng kiến BNDK3 Nguyễn M M"*. Tại văn bản nêu ý kiến ngày 21/01/2025 ông Thạch H cho rằng việc ông ký giấy mượn nợ của bà V là ông bị khống chế, trấn áp ông như xã hội đen bắt ông ký nợ 450.000.000 đồng. Qua làm việc, ông Nguyễn M M là người chứng kiến xác định: Hai bên tự nguyện ký vào văn bản xác nhận nợ giữa bà V và ông H với số tiền 450 triệu, không thấy bên nào ép buộc bên nào, không có cự cãi hay xô xát gì. Do đó, việc ông H cho rằng ông bị ép buộc, bị trấn áp ký nhận nợ 450.000.000 đồng và yêu cầu chuyển Cơ quan điều tra là không có căn cứ, không được chấp nhận. Căn cứ vào giấy nhận nợ nêu trên và xác nhận của người chứng kiến, bà V khởi kiện yêu cầu ông Thạch H trả số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng là có cơ sở, được chấp nhận.

Xét yêu cầu buộc bà Lê Thị N H cùng có trách nhiệm với ông Thạch H trả nợ. Thấy rằng, ông H và bà H đã được Toà án giải quyết ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 128/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2024, trong đó về nợ chung là không đặt ra xem xét, giải quyết. Xét thấy việc ông Thạch H

ký nhận nợ số tiền 450.000.000 đồng của bà V để làm gói thầu 2023 – 2024 là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa ông H, bà Hồ. Do đó, cần buộc bà H có trách nhiệm liên đới cùng với ông H trả nợ cho bà Vui.

Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu trả lãi là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn không phải chịu án phí, có dự nộp được nhận lại toàn bộ khi án có hiệu lực; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần N V. Buộc ông Thạch H và bà Lê Thị N H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần N V số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Ngày 06/01/2025 bà Trần N V có nộp tạm ứng án phí số tiền 13.241.000 đồng theo lai thu số 0010116 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ông Thạch Hiếu và bà Lê Thị N H phải chịu án phí 22.000.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu văn thư.

Trần Thị Kiều Trang